

NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG

KHẢO SÁT TÍN HIỆU THẨM MỸ THUỘC TRƯỜNG NGHĨA "MẮT" TRONG CA DAO CỔ NGƯỜI VIỆT VÀ THƠ CA VIỆT NAM 1945-1975

ĐỖ THỊ HƯƠNG BƯỚI*

TÓM TẮT: Bài viết này sẽ tóm lược khái niệm về tín hiệu thẩm mỹ (THTM) và mô tả các dạng của THTM. Trên cơ sở đó, người viết tiến hành dẫn giải các kết quả khảo sát THTM thuộc trường nghĩa *mắt* trong ca dao người Việt và trong thơ ca Việt Nam 1945-1975 với 08 tác giả: Tô Hữu, Quang Dũng, Nguyễn Duy, Phạm Tiến Duật, Vũ Cao, Hoàng Cầm, Nông Quốc Chấn, Xuân Quỳnh. THTM thuộc trường nghĩa *mắt* được phân xuất thành hai nhóm: THTM hằng thể và các biến thể. Trong biến thể, tác giả tìm hiểu hai loại: biến thể từ vựng và biến thể kết hợp (BTKH). Đối với các BTKH, tác giả tiến hành khảo sát các câu thơ có liên quan đến các danh từ, động từ, tính từ có thể trực tiếp kết hợp với *mắt* hoặc xuất hiện một mình để miêu tả cụ thể các đặc điểm, tính chất, hoạt động, trạng thái của *mắt* và trong mỗi lần xuất hiện chúng sẽ mang thêm những ý nghĩa biểu đạt mới làm phong phú thêm ý nghĩa thẩm mỹ của THTM thuộc trường nghĩa *mắt*.

TỪ KHÓA: mắt, tín hiệu thẩm mỹ; trường nghĩa; ca dao; thơ ca Việt Nam.

NHẬN BÀI: 18/7/2019.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 20/9/2019

1. Mở đầu

Tín hiệu thẩm mỹ (THTM) là một thuật ngữ do Ch.Morris [Dẫn theo 1] đề xuất để phân biệt nó với các tín hiệu khác ở chức năng thẩm mỹ và đặc trưng mô tả hoặc tạo hình. Sau này, Iu.A.Philipiep đưa ra quan niệm: THTM là những phương tiện nghệ thuật được tập trung theo một số hệ thống tác động thẩm mỹ, được chúng ta tiếp nhận như những tín hiệu đặc biệt, có khả năng kích thích mạnh mẽ thế giới tinh thần của chúng ta..." [2]. Đỗ Hữu Châu [3] cũng cho rằng: THTM là "cái được tác giả lựa chọn từ thế giới hiện thực mà xây dựng nên, sáng tạo ra". Bài viết thống nhất với quan điểm của Phạm Thị Kim Anh khi cho rằng: *THTM là tín hiệu thuộc các phương tiện biểu hiện của các ngành nghệ thuật, bao gồm toàn bộ những yếu tố của hiện thực, của tâm trạng (những chi tiết, những sự vật, hiện tượng, những cảm xúc... thuộc về đời sống hiện thực và tâm trạng), những yếu tố của chất liệu (các yếu tố của chất liệu ngôn ngữ với văn chương, các yếu tố của chất liệu màu sắc với hội họa, âm thanh, nhịp điệu với âm nhạc...) được lựa chọn và sáng tạo trong tác phẩm nghệ thuật vì mục đích thẩm mỹ* [4].

THTM được xem xét dưới hai dạng hằng thể và các biến thể. Nếu THTM hằng thể là loại THTM mà cái biểu đạt của nó không thay đổi trong mỗi lần xuất hiện thì ở các biến thể của THTM cái biểu đạt không hoàn toàn giống nhau trong mỗi lần xuất hiện. Trên thực tế nghiên cứu các THTM chủ yếu là nghiên cứu các biến thể của nó (đó là các biến thể của THTM được phân chia thành 2 loại: biến thể từ vựng (BTTV) và biến thể kết hợp (BTKH)).

2. Kết quả khảo sát tín hiệu thẩm mỹ trường nghĩa *mắt* qua các tài liệu

Trong bài viết này, chúng tôi vận dụng lí thuyết về THTM để tìm hiểu các phương tiện ngôn ngữ làm thành bình diện hình thức vật chất biểu đạt của các THTM thuộc trường nghĩa *mắt*. Ở phương diện này, chúng tôi xem xét cụ thể các yếu tố: *danh từ làm tên gọi mắt/ các bộ phận của mắt (các đơn vị cùng xuất hiện trên trục dọc với từ mắt, từ làm tên gọi mắt, các bộ phận của mắt); tính từ, động từ kết hợp cụ thể hóa các đặc điểm, trạng thái, hoạt động của mắt*. Để có cơ sở phân định chúng thành từng nhóm, chúng tôi dựa vào ý kiến của các tác giả Diệp Quang Ban [5], Lê Biên [6], Đinh Văn Đức [7], Nguyễn Hữu Quỳnh [8] về các tiêu chí phân định từ loại ngữ pháp tiếng Việt.

Thực hiện bài viết này, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 11.825 bài ca dao trong tuyển tập *Kho tàng ca dao người Việt* [9] và 415 bài thơ của 08 tác giả: Tô Hữu, Quang Dũng, Nguyễn Duy, Phạm Tiến Duật, Vũ Cao, Hoàng Cầm, Nông Quốc Chấn, Xuân Quỳnh trong tuyển tập *Văn học Việt Nam thế kỉ XX* [10]. Tổng cộng có 12.240 tác phẩm được khảo sát.

Trường nghĩa *mắt* trong kho tàng ca dao cổ người Việt và thơ ca Việt Nam 1945-1975 trước hết được coi là một trường biểu vật, đây là một tập hợp những danh từ (*mắt, đôi mắt, cặp mắt, nước mắt, tròng mắt, hốc mắt,*

* ThS-NCS; Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Email: dthbuoi.hanam@moet.edu.vn

đáy mắt...) phản ánh một bộ phận cơ thể người. Tập hợp từ trên còn được coi là một trường biểu niệm trên cơ sở chúng có chung các nghĩa vị của từ trung tâm là *mắt*. Theo cuốn *Đại từ điển tiếng Việt*; khái niệm *mắt* được giải thích như sau: (dt) 1. Cơ quan để nhìn của con người hay động vật. 2. Mắt của con người, biểu tượng cho sự nhìn nhận, sự quan tâm chú ý...” [11].

Dựa theo các nghĩa vị trên, trước hết, chúng tôi tiến hành phân lập các từ trong hệ thống từ vựng gồm có 89 mục từ có ít nhất 01 nét nghĩa chỉ mắt. Đây là những từ gần trung tâm (tiêu điểm) *mắt* như những từ đặc trưng của THPTM *mắt*: *nhìn, trông, ngó,...* Trong thực tế sử dụng những từ này nhiều khi không cần đi kèm các tín hiệu hằng thể *mắt* nhưng người ta vẫn liên tưởng ngay đến các đặc điểm, tính chất, trạng thái của mắt. Ngoài ra, những đơn vị từ vựng không có nét nghĩa về *mắt* trong từ điển nhưng bài viết vẫn đưa về trường nghĩa *mắt* để nghiên cứu. Đó là những từ ngoại biên xa trung tâm chỉ được dùng trong ngữ cảnh nhất định khi đi kèm với BTTV *mắt* với tư cách như những BTKH của THPTM *mắt* như: *thấy, xoa, dụi, đưa dấy, thiêu, đốt, (mắt) bản thân, (mắt) rụt rè, (mắt) lừ đừ...* Đó là những đơn vị khi đi cùng với hằng thể *mắt* hoặc xuất hiện trong từng văn cảnh cụ thể để làm rõ đặc điểm, trạng thái, tính chất của *mắt*. Số lượng các đơn vị này tương đối nhiều, có 84 đơn vị, chẳng hạn: (*mắt*) *trầm tư, (mắt) u ám, (mắt) bản thân, (mắt) biển khơi...* Theo phân loại THPTM, các đơn vị này được xếp vào các BTKH của THPTM *mắt*.

Theo ngữ liệu thống kê, *mắt* xuất hiện 2.323 lần trong 1.122 bài ca dao trong tổng số 11.825 bài ca dao của tuyển tập *Kho tàng ca dao người Việt* được khảo sát. *Mắt* xuất hiện 1.681 lần trong 306 bài thơ trong tổng số 415 bài thơ được khảo sát của 08 tác giả: Tố Hữu, Quang Dũng, Nguyễn Duy, Phạm Tiến Duật, Vũ Cao, Hoàng Cầm, Nông Quốc Chấn, Xuân Quỳnh.

Chúng tôi phân xuất THPTM thuộc trường nghĩa *mắt* thành hai nhóm: THPTM hằng thể và các biến thể. Trong biến thể, chúng tôi tìm hiểu hai loại: biến thể từ vựng (BTTV) và biến thể kết hợp (BTKH). Tổng hợp chung có tất cả là 173 đơn vị, trong đó: 01 hằng thể, 03 BTTV, 169 BTKH.

Thực tế cho thấy có những tín hiệu xuất hiện trong ca dao, nhưng lại không xuất hiện trong thơ ca, tổng số các biến thể chỉ có trong ca dao mà không có trong thơ ca là 21: đó là các tín hiệu: *mắt bỏ câu, mắt lá răm, mắt phượng, mắt toét, lỵ, châu, giọt (nước mắt), (nước mắt) sụt sùi,...* Ngược lại có những tín hiệu có trong thơ ca nhưng lại không xuất hiện trong ca dao, tổng số các biến thể chỉ có thơ ca mà không có trong ca dao là 116: đó là các THPTM: *mắt bé, mắt nhỏ, mắt tròn xoe, mắt chuồn chuồn, hốc mắt, đáy mắt, màu mắt, mắt bản thân, mắt hoang dại, mắt nheo cười, mắt dằm ám,...* Như vậy, so với ca dao, số lượng biến thể của thơ ca phong phú hơn nhiều.

2.1. Hình thức ngôn ngữ biểu đạt của THPTM thuộc trường nghĩa *mắt* trong ca dao cổ và thơ ca Việt Nam 1945-1975

2.1.1. Tín hiệu thâm mĩ hằng thể

Tín hiệu ngôn ngữ *mắt* trước hết là một danh từ trong hệ thống ngôn ngữ, khi đi vào ca dao và thơ ca, *mắt* đã trở thành tín hiệu thâm mĩ hằng thể, có 19/2.323 lần xuất hiện của THPTM thuộc trường nghĩa *mắt* trong kho tàng ca dao người Việt; có 188/1.681 lần xuất hiện của THPTM thuộc trường nghĩa *mắt* trong sáng tác của nhóm tác giả được nghiên cứu của thơ ca Việt Nam 1945-1975.

Kết quả khảo sát này cho thấy, THPTM thuộc trường nghĩa *mắt* xuất hiện trong ca dao dưới dạng tín hiệu hằng thể không nhiều. Và giữa hai loại hình thơ ca, hằng thể *mắt* xuất hiện trong thơ ca nhiều gấp gần 10 lần so với trong ca dao tuy tổng số bài thơ được khảo sát của thơ ca Việt Nam 1945-1975 ít hơn rất nhiều so với cả kho tàng ca dao người Việt.

Hằng thể *mắt* không phải lúc nào cũng đi một mình mà thường xuất hiện kèm theo các biến thể kết hợp tạo ra những nét nghĩa vừa cụ thể vừa giàu tính biểu trưng, biểu cảm. Ví dụ:

(1) *Con dao vàng rọc lá trầu vàng/ Mắt anh anh liếc, mắt nàng nàng đưa.*

Con dao vàng ứng với lá trầu vàng là tương xứng, phù hợp, may mắn, cũng giống như nàng gặp anh. Vì vậy mà "mắt anh anh liếc, mắt nàng nàng đưa". Hằng thể *mắt* xuất hiện đồng thời với các BTKH *liếc, đưa* là những hành động của đôi mắt đã thể hiện đúng sắc thái tình cảm của *nàng* và *anh*. Cái *liếc* mắt sắc ngọt táo bạo của *anh* hay cái đưa tình dịu dàng kín đáo của *nàng* đã khiến trái tim lỡ nhịp trong khoảnh khắc vô cùng ấy.

2.1.2. Các biến thể của THPTM thuộc trường nghĩa mắt trong kho tàng ca dao người Việt và thơ ca Việt Nam 1945-1975

THPTM thuộc trường nghĩa mắt khi đi vào thực tế sử dụng trong ca dao và thơ ca Việt Nam lại có nhiều biến thể khác nhau. Trong từng văn cảnh cụ thể, cấu trúc ngôn ngữ của THPTM có thể biến đổi nhưng ý nghĩa biểu đạt thì không đổi, mà chỉ được bổ sung bằng các nét nghĩa phụ làm phong phú thêm cho nét nghĩa cơ bản. Ví dụ:

(2) *Hoa thơm hoa ở trên cây/ Đôi con mắt em lúng liếng dạ anh say lừ đừ.*

Hàng thể mắt kết hợp với *lúng liếng* đã tạo nên một nghĩa thâm mĩ mới rất biểu cảm. Theo Vũ Nho, *mắt em lúng liếng tạo nên sóng mắt, như sóng biển làm cho anh chóng mặt. Rồi anh say, say lừ, say lừ đừ. Ở đây có cái say thuần túy sinh lí vì "chóng mặt" nhưng ai dám bảo không có cái say tâm lí - say tình. Mà say tình mới là cái chính. Chẳng trai, say không chỉ ở con mắt nhìn mà say ở trong tim* [12]. Rõ ràng về ý nghĩa BTKH *lúng liếng* đã tạo ra nét mới về nghĩa.

2.1.2.1. Biến thể từ vựng

Biến thể từ vựng là tập hợp những từ gần nghĩa hoặc cùng trường nghĩa có thể thay thế cho nhau. Ở đây các biến thể từ vựng - ngữ nghĩa của THPTM thuộc trường nghĩa mắt được các tác giả sử dụng chủ yếu ở ba đơn vị như: *con mắt* (xuất hiện 47 lần trong ca dao và 22 lần trong thơ ca 1945-1975), *đôi mắt* (xuất hiện 02 lần trong ca dao và 27 lần trong thơ ca 1945-1975), *khóe thu ba* (xuất hiện 02 lần trong ca dao và không xuất hiện lần nào trong thơ ca 1945-1975).

Có thể thấy, trong ca dao, biến thể *con mắt* xuất hiện với tần số cao chứng tỏ thói quen sử dụng của người bình dân. Nếu *đôi mắt* thiên về số lượng thì *con mắt* thiên về tính chất động của nó (theo từ điển, *con* có nét nghĩa chỉ từng đơn vị động vật hoặc một số vật thể khác: *con gà, con mắt* [11] thể hiện cách nhìn, cách tư duy dân gian thời kì đầu hình thành ngôn ngữ thường đem gán những vật thể *con, cái, ...* trong thế giới động vật, sự vật bất gặp hàng ngày để gán cho các sự vật trừu tượng, khó mô phỏng... [13]. Ví dụ:

(3) *Trên thu ba dưới lại thu ba/ Con mắt lóng lánh chẳng tu được nào.*

Tần số xuất hiện các BTTV trong thơ ca Việt Nam 1945-1975 khác với ca dao. Hai BTTV *con mắt, đôi mắt* xuất hiện với tỉ lệ tương đương trong thơ ca Việt Nam 1945-1975.

Một điều khác biệt so với văn học viết trung đại, qua khảo sát chúng tôi thấy rằng ở kho tàng ca dao người Việt cũng như trong thơ ca Việt Nam 1945-1975, không lần nào xuất hiện *làn thu thủy*, một BTTV của THPTM mắt từng xuất hiện trong văn học viết trung đại (*Làn thu thủy, nét xuân sơn - Truyện Kiều*, Nguyễn Du). Điều đó cũng thể hiện xu hướng đại chúng của văn học cách mạng, các nhà thơ tìm về cách diễn đạt đại chúng, gần gũi với đời thường gần gũi với cách diễn đạt bình dân trong ca dao.

2.1.2.2. Biến thể kết hợp

Tiến hành khảo sát các BTKH của THPTM mắt, chúng tôi thống kê tất cả các câu thơ có liên quan đến các danh từ, động từ, tính từ có thể trực tiếp kết hợp với *mắt* hoặc xuất hiện một mình để miêu tả cụ thể các đặc điểm, tính chất, hoạt động, trạng thái của *mắt* và trong mỗi lần xuất hiện chúng sẽ mang thêm những ý nghĩa biểu đạt mới làm phong phú thêm ý nghĩa thâm mĩ của THPTM thuộc trường nghĩa mắt.

Có thể tổng hợp tần số xuất hiện các biến thể kết hợp theo bảng sau:

Nhóm	Ca dao người Việt (11.825 bài ca dao được khảo sát)		Thơ ca Việt Nam 1945-1975 (415 bài thơ được khảo sát)	
	Số lượng biến thể	Tần số xuất hiện	Số lượng biến thể	Tần số xuất hiện
Hình dáng của mắt	04	9	06	17
Màu sắc của mắt	04	11	08	22
Các bộ phận của mắt	09	7	13	47
Nước mắt	16	347	19	87
Trạng thái của mắt	06	24	56	115
Hoạt động của mắt	21	855	46	1039

Tổng	54	2.253	148	1.327
------	----	-------	-----	-------

Khảo sát các biến thể kết hợp của THPTM *mắt* chúng tôi chia tách ra các nhóm nhỏ dựa trên những nét nghĩa chung. Cụ thể:

a) Nhóm các từ chỉ hình dáng của mắt:

- Ca dao: *mắt bồ câu, mắt lá răm, mắt phượng, mắt ti hí - mắt lươn.*

- Thơ ca Việt Nam 1945-1975: *mắt tròn, mắt bé, mắt nhỏ, mắt lươn, mắt thỏ, mắt chuồn chuồn.*

b) Nhóm các từ chỉ màu sắc của mắt:

- Ca dao: *mắt xanh, mắt trắng, mắt đỏ, mắt ngọc.*

- Thơ ca Việt Nam 1945-1975: *mắt đỏ, mắt xanh, mắt huyền, mắt biếc, mắt (sẫm) đen, mắt màu gio, (màu) mắt trong.*

c) Nhóm các từ chỉ các bộ phận của mắt:

- Ca dao: *con người, lông mày, chân mày, ánh mắt.*

- Thơ ca Việt Nam 1945-1975: *lông mày, mí/ hàng mí/ bóng mí, mí mắt, tròng mắt, hốc mắt, đuôi mắt, khòe mắt, đáy mắt, màu mắt, tâm mắt, tâm nhìn, cái nhìn, ánh mắt.*

d) Nhóm các từ chỉ nước mắt:

- Ca dao: *nước mắt, lệ, lụy, châu, giọt, thấm bầu, nhỏ sa, tuôn, rung rung, ròn ròn, ướt đầm, lai láng, lã chã, sụt sùi, chứa chan, đầm đầm như mưa...*

- Thơ ca Việt Nam 1945-1975: *nước mắt, lệ, rung rung, (nước mắt/lệ) rơi, (lệ) chảy, trào (nước mắt), ứa (nước mắt), chảy ra (nước mắt), lau (nước mắt), húng lệ, (lệ) khô ráo, tuôn, (nước mắt) nóng, đầm đìa, đầm, giàn giụa, lã chã, chứa chan, lệ) tràn.*

e) Nhóm các từ chỉ trạng thái của mắt:

- Ca dao: *long lanh, lúng liếng, lơ lơ, lìm dim.*

- Thơ ca Việt Nam 1945-1975: *long lanh, bản thân, linh lợi, lờ đờ, lìm dim, hoang dại, tráo trâng, sáng trong, sáng quắc, mù, lóa, u ám, biển khơi, hoang dại, u buồn, mi trường, tròng mắt cay, mi mọng, ...*

h) Nhóm các từ chỉ hoạt động của mắt:

+ Ca dao: *nhìn, trông, ngó, xem, thấy, khóc, gặp, ngược, nhắm, mắt, khóc, nom, tìm, xem, liếc, hóng, dòm, soi, ngắm, trông, coi.*

+ Thơ ca Việt Nam 1945-1975: *thấy, trông, nhắm mắt, gặp, ngược, nhìn, ngó, gặp, ngắm, khóc, nom, tìm, khép, ngủ, ghé, chớp, (mắt) trời ra, trợn mắt, (mắt) cửa, (mắt) dùi, đưa đẩy, đưa (mắt), lườm, trố mắt, (lông mày) dựng, ...*

Nhìn một cách tổng quát, số lượng biến thể xuất hiện ở mỗi nhóm trong thơ ca Việt Nam 1945-1975 nhiều hơn trong ca dao. Điều đó cho thấy trải qua hành trình hàng nghìn năm, ngôn ngữ tiếng Việt ngày càng phát triển để đáp ứng tốt hơn nhu cầu biểu đạt của con người trong cuộc sống, nó cũng cho thấy con người hiện đại có tư duy ngôn ngữ đa dạng, phong phú hơn, biết sáng tạo ra, lựa chọn các đơn vị ngôn ngữ để diễn đạt những sắc thái tâm trạng phức tạp và tinh tế hơn. Trong thực tế sử dụng ngôn ngữ nói chung, trong kho tàng ca dao người Việt, thơ ca Việt Nam 1945-1975 nói riêng, các yếu tố ngôn ngữ có sự chuyển nghĩa đa dạng, miêu tả hình dáng của *mắt* nhưng là đề cập đến phẩm chất, tính cách con người; đề cập tới màu sắc, hoạt động, trạng thái của *mắt* nhưng là để nói lên diễn biến tâm trạng, cảm xúc của con người...

2.2. Tổng hợp kết quả khảo sát

Kết quả khảo sát THPTM thuộc trường nghĩa *mắt* trong ca dao người Việt và thơ ca Việt Nam 1945-1975 xét trong tương quan giữa hằng thể và các biến thể thể hiện trong thống kê sau:

THPTM Mắt	Ca dao người Việt		Thơ ca Việt Nam 1945-1975	
	Số lượng	Số lần xuất hiện	Số lượng	Số lần xuất hiện
Hằng thể	1	19	1	188
Biến thể từ vựng	3	51	3	49
Biến thể kết hợp	54	2.253	148	1.327
Tổng số	58	2.323	152	1.564

Mắt là một danh từ đơn tiết, gọi tên một bộ phận cơ thể người. Khi đi vào thực tế sử dụng, *mắt* thường xuất hiện trong các tổ hợp *mắt + x...* với vai trò làm trung tâm. *Mắt* được cụ thể hóa về các phương diện nhờ các yếu

tổ phụ nghĩa cho nó chính là các BTKH và tạo ra các kiểu kết hợp khác nhau. Trong đó, *mắt* làm yếu tố chính mang nghĩa chỉ bộ phận cơ thể người, *x* là các yếu tố chỉ nghĩa về các phương diện hành động, trạng thái của *mắt*...

Khảo sát 173 đơn vị theo mô hình *mắt* + *x*...; chúng tôi thấy có 5 phương diện được đề cập đến: hình dáng của *mắt*, màu sắc của *mắt*, hoạt động của *mắt*, trạng thái của *mắt*, tính chất của *mắt*. Mỗi phương diện lại được gọi tên bằng nhiều mô hình khác nhau. Cụ thể:

a) Hình dáng của *mắt* được thể hiện bằng mô hình: *Mắt* + yếu tố chỉ hình dáng. Trong ca dao có 05 biến thể xuất hiện 10 lần: *mắt bồ câu*, *mắt lá rãm*, *mắt phượng*, *mắt ti hí* - *mắt lươn*. Thơ ca Việt Nam 1945-1975 có 05 biến thể xuất hiện 16 lần, đó là các biến thể như: *mắt tròn*, *mắt bé*, *mắt nhỏ*, *mắt lươn*, *mắt thỏ*, *mắt chuồn chuồn*. Như vậy, số lượng biến thể như nhau nhưng chỉ có một biến thể giống nhau: *mắt lươn*. Các BTKH nói về hình dáng của *mắt* về cơ bản vừa thể hiện về ngoài của con người vừa thể hiện cách đánh giá bản chất của đối tượng. Ví dụ:

(4) *Chả tham nhà ngói anh đâu/ Tham về con mắt bồ câu liếc người.* (Ca dao)

Mắt bồ câu (dt) *mắt nhỏ* mà *xéch*, *tròng đen to rất đẹp*. Không nhất thiết khi nói đến *đôi mắt bồ câu* là cứ phải hiểu đúng hoàn toàn như nghĩa từ điển. Có thể đây còn là cách nói ước lệ thể hiện về đẹp hình thức cũng như tâm hồn của con người.

b) Màu sắc của *mắt* được biểu hiện bằng mô hình: *Mắt* + yếu tố chỉ màu sắc (tính từ): Trong ca dao có 04 biến thể xuất hiện 11 lần, đó là các biến thể: *mắt xanh*, *mắt trắng*, *mắt đỏ*, *mắt ngọc*; trong đó biến thể *mắt trắng*, *mắt ngọc* không hề xuất hiện trong thơ ca Việt Nam 1945-1975. Những màu *mắt* này ít khi được dùng với ý nghĩa tả thực mà thường mang một ý nghĩa biểu trưng. Ví dụ:

(5) *Ngồi mà dựa bóng đèn xanh/ Mắt xanh xanh biếc nhớ ngành thanh xuân* (Ca dao)

Mắt xanh bắt nguồn từ chữ "thanh nhãn", tức tròng *mắt* màu *xanh đen*, còn chung quanh là màu *trắng*. *Mắt xanh* còn có nghĩa là vừa ý bằng lòng, là biểu tượng cho cái đẹp trẻ trung, nồng nàn ..

Trong thơ ca Việt Nam 1945-1975, màu sắc của *mắt* có 08 biến thể xuất hiện 22 lần, đó là các biến thể: *mắt đỏ*, *mắt xanh*, *mắt huyền*, *mắt biếc*, *mắt (sẫm) đen*, *mắt màu gio*, (*màu*) *mắt trong*. So với ca dao, số lượng biến thể và tần số xuất hiện của màu *mắt* trong thơ ca nhiều gấp đôi. Điều đó cho thấy lối tư duy thơ đầy cá tính sáng tạo có cái nhìn đa dạng, tinh tế, trí tưởng tượng phong phú về hiện thực hơn của các nhà thơ hiện đại. Chẳng hạn: "Huế trầm mặc hôm nay sao khác khác - Những *mắt huyền* ngơ ngác hỏi thăm nhau" (Huế tháng tám, Tố Hữu).

c) Trạng thái của *mắt* được miêu tả bằng mô hình: *Mắt* + yếu tố trực tiếp chỉ trạng thái (tính từ) như *mắt long lanh*, *mắt lúng liếng*, *mắt lim dim*, *mắt bản thân*... Qua khảo sát có 56 đơn vị có kết hợp kiểu này. Trong đó, ca dao có 06 đơn vị, xuất hiện 24 lần, thơ ca 54 đơn vị, xuất hiện 114 lần. Chẳng hạn: "Nhớ ai *con mắt lim dim* - Chân đi thắt thểu như chim tha mồi" (Ca dao). Trong thơ ca 1945 - 1975, trạng thái của *mắt* lại được biểu hiện cực kì sinh động với tổng số 57 BTKH khác hẳn với ca dao chỉ có 06 biến thể, trong đó có 03 biến thể giống nhau. Có nhiều BTKH chỉ xuất hiện duy nhất một lần không lặp lại, có những biến thể xuất hiện một số lần chỉ ở một tác giả thể hiện lối tư duy và cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ. Đó là các biến thể (*mắt*) *u ẩn* trong thơ Quang Dũng, *mi trường*, *mi mộng*, (*mắt*) *tráo trâng*, *mắt trầm tư*, *mắt nghiêng*, *khóc âm y*, *khóc rì rầm*, *khóc sấm sút*, *ngủ lãn lóc* trong thơ Hoàng Cầm... Trạng thái của *mắt* được biểu hiện bằng một số từ ngữ với các nét nghĩa:

- Trạng thái độ sáng (đặc điểm sinh học): có 17 đơn vị: *mắt sáng*, *mắt sáng trong*, *mắt sáng bừng*, *mắt sáng ngời*, *mắt sáng quắc*, *mắt mờ*, *mắt mù*, *mắt lòa*, *mắt lóa*, *mắt toét*, *mắt ướt*, *mi trường*, *lông mày rậm*, *mắt thâm quầng*, *tròng mắt cay*, *mi mộng*, *mắt viền*. Trong đó ca dao chỉ có 01 đơn vị *mắt toét* và BTKH này không xuất hiện trong thơ ca: "Một yêu *mắt toét* ba vành - Hai yêu miệng nói cười tình hơn ma".

- Trạng thái về tâm trạng, thái độ, tính cách: có 22 đơn vị chỉ xuất hiện trong thơ ca mà không có trong ca dao: *mắt trừng trợn*, *mắt tráo trâng*, *mắt trầm tư*, *mắt bản thân*, *mắt rụt rè*, *mắt ngơ ngác*, *mắt u buồn*, *mắt đau buồn*, *mắt yêu đời*, *mắt đăm đăm*, *mắt khoan dung*, *mắt thân yêu*, *mắt nhìn vui âm*, *mắt bình thản*, *mắt chan chứa nhân tình*, *mắt nheo cười*, *mắt hiền*, *mắt/ mày tươi*, *mắt hoang dại*, *mắt biển khơi*, *mắt u ẩn*, *ánh mắt lạ kì*.

- Trạng thái độ linh hoạt: có 09 đơn vị: *mắt long lanh, mắt lóng lánh, mắt lừng liếng, mắt lung linh, mắt linh loy, mắt lò dò, mắt lơ mơ, mắt lim dim, mắt sắc như dao*. Trong đó, ca dao xuất hiện 05 đơn vị, thơ ca xuất hiện 08 đơn vị.

d) Hoạt động của mắt được biểu hiện bằng mô hình: Mắt + Y (động từ); hoặc 0 + Y (động từ) + B. Trong đó: Y là các hoạt động của mắt, B là đối tượng tiếp nhận hoạt động. Ví dụ:

(6) *Anh xuôi em vẫn trông chừng/ Trông mây, mây tản, trông rừng, rừng xanh* (Ca dao)

Cấu trúc này là phổ biến và chiếm số lượng lớn nhất trong thực tế hoạt động của THTM thuộc trường nghĩa *mắt* tương ứng với số lượng các động từ chỉ hoạt động của *mắt* được sử dụng ca dao: 16 động từ và 1.794 lần xuất hiện; trong thơ ca Việt Nam 1945-1975: 46 động từ với 1.039 lần xuất hiện. Một điều đặc biệt ở đây là nhiều khi *mắt* không trực tiếp xuất hiện mà chỉ có các động từ miêu tả hoạt động của *mắt* và đối tượng tiếp nhận hoạt động. Đó là trường hợp: 0+ Y + B. BTKH của *mắt* trong cấu trúc này thường hướng tới lớp nghĩa biểu trưng cho vẻ đẹp tâm hồn con người. Miêu tả hoạt động của *mắt* cũng là biểu hiện thế giới nội tâm đầy sống động của con người. Ở đây có các BTKH là động từ rất đặc trưng cho THTM *mắt*: *nhìn, nước mắt, ngắm, nhòm, ngó, thức - ngủ*. Trong loại cấu trúc này cũng xảy ra hiện tượng: Danh hóa, chẳng hạn: *ngủ -> giấc ngủ, cái áo ngủ, cái nhìn*. Có động từ không phải thuộc tính của *mắt* nhưng lại được dùng chỉ *mắt* như *mắt cười*: niềm vui chiến thắng. Ví dụ:

(7) *Về đến đây rồi Hà Nội ơi!/ Người đi kháng chiến tám năm trời*

Hôm nay về lại đây Hà Nội/ Giàn giụa vui lên ướt mắt cười!.. (Lại về - Tố Hữu)

e) Ngoài ra các đặc điểm của *mắt* còn được biểu hiện bằng mô hình so sánh (kể cả so sánh ngầm) A + như + B. Trong đó: A là *mắt* và các thuộc tính của *mắt*. Nhiều trường hợp A không xuất hiện, lúc đó ta có so sánh ngầm. B là đối tượng được lựa chọn đem ra so sánh. Ví dụ:

(8) *Trời sinh con mắt là gương/ Càng yêu mến lắm càng thương nhớ nhiều* (Ca dao)

(9)... *Vàng trán em mang trời quê hương/ Mắt em như giếng nước thôn làng*

(Đôi mắt người Sơn Tây - Quang Dũng)

Với cấu trúc này, THTM được đặt trong tương quan với với các yếu tố khác thông qua các yếu tố so sánh: *là, như, khác gì,...* Ở đây, *mắt* được cụ thể hóa thông qua hình ảnh đối sánh là cơ sở để tạo ra ý nghĩa biểu trưng. Cấu trúc so sánh đã đem lại THTM cách diễn đạt tinh tế phù hợp với việc thể hiện tâm tình của con người.

h) Mô hình A (nước mắt) + B (tính từ, động từ...)

Như trên đã trình bày, *nước mắt* cũng là một bộ phận của *mắt*, nhưng do tần số xuất hiện của BTKH này tương đối nhiều, nên người viết đã tách thành một nhóm từ đứng riêng để thuận tiện cho việc khảo sát và tìm hiểu ý nghĩa biểu trưng. Cấu trúc X (nước mắt) + Y (tính từ) xuất hiện trong ca dao có 16 biến thể với tần số 347 lần, trong thơ ca có 19 biến thể với tần số xuất hiện 87 lần. Cũng cần lưu ý thêm cấu trúc (động từ) lau + nước mắt xuất hiện trong thơ ca 1945-1975 như là cách thể hiện tâm trạng thời cuộc, niềm vui chiến thắng, cuộc đời đã sang một trang mới, *nước mắt* làm nên sức mạnh chiến đấu và chiến thắng kẻ thù. Ví dụ:

(10) ... *Trắng khăn tang, em chẳng khóc đau/ Hỡi em gái mắt cha mắt mẹ*

Nước mắt rơi, làm nhòa mặt quân thù/ Em phải bắn, trúng đầu giặc Mỹ.

(Việt Nam máu và hoa - Tố Hữu)

i) Mô hình A (mắt) + B (yếu tố chỉ vị trí, địa danh...)

Trong trường hợp này, những yếu tố phụ nghĩa cho *mắt* vốn là những yếu tố chỉ vị trí như *mắt người Sơn Tây, đôi mắt Sài Sơn ...* nhưng khi đi vào tổ hợp, nghĩa chỉ vị trí đã bị mờ đi. Nghĩa chính của tổ hợp này là nghĩa sắc thái: ấn tượng cảm xúc về một miền quê, kiểu mắt - kiểu tâm hồn. Cấu trúc này chỉ có trong thơ ca 1945-1975 mà không có trong ca dao. Số lượng cụ thể minh chứng cho kiểu mô hình này cũng không nhiều: 03 BTKH *Mắt người Sơn Tây* (xuất hiện 02 lần), *Đôi mắt Sài Sơn* (xuất hiện 01 lần), *Con mắt biển Đông* (xuất hiện 01 lần) và dường như chỉ xuất hiện duy nhất trong một tác phẩm cụ thể của một tác giả cụ thể. Nó hiện ra như một ám ảnh với tác giả. Ví dụ:

(11) *Đôi mắt người Sơn Tây/ Uẩn chiều lau lạt*

Thương vườn ruộng khôn khuấy... (Đôi mắt người Sơn Tây - Quang Dũng)

Tuy không xuất hiện nhiều nhưng đây cũng là một cấu trúc làm nên sự khác biệt của THPTM thuộc trường nghĩa mắt của thơ ca 1945-1975 so với kho tàng ca dao người Việt.

4. Kết luận

a) Bài viết khảo sát THPTM thuộc trường nghĩa *mắt* ở hai dạng: hằng thể và biến thể. Trong dạng biến thể, chúng tôi đã tiến hành khảo sát và tìm hiểu hai loại: BTTV và BTKH, xem xét số lượng biến thể và tần số xuất hiện của từng loại, có sự đối sánh để từ đó bước đầu đưa ra những nhận xét khái quát về giá trị và ý nghĩa thẩm mỹ của THPTM *mắt* trong kho tàng ca dao người Việt và thơ ca Việt Nam 1945-1975. Trong đó các BTKH của THPTM *mắt* xuất hiện trong kho tàng ca dao và thơ ca với số lượng và tần số lớn nhất: Các BTKH của THPTM thuộc trường nghĩa *mắt* có tần số xuất hiện rất lớn với 54 biến thể và 2.323 lần xuất hiện trong ca dao, 148 biến thể với 1.327 lần trong thơ ca Việt Nam 1945-1975 áp đảo so với hằng thể và các BTTV. Điều này cho thấy khả năng hoạt động của THPTM dưới dạng BTKH là vô cùng phong phú, từ THPTM hằng thể trung tâm, phát triển rộng rãi thành các BTKH với những ý nghĩa thẩm mỹ hết sức đa dạng. Có sự chênh lệch khá lớn giữa số lượng BTKH trong ca dao và thơ ca, thể hiện tư duy thẩm mỹ và sự phát triển ngôn ngữ của dân tộc. Xem xét giá trị của THPTM *mắt* là chủ yếu tìm hiểu các biến thể của nó trong mỗi lần xuất hiện khác nhau.

b) Khảo sát 173 đơn vị kiểu *mắt* (hoặc BTTV của *mắt*) + x... ; chúng tôi thấy có các phương diện được đề cập đến: hình dáng của *mắt*, màu sắc của *mắt*, hoạt động của *mắt*, trạng thái của *mắt*, tính chất của *mắt*. Mỗi phương diện lại được gọi tên bằng những mô hình khác nhau. Đây chính là cơ sở cho việc luận giải giá trị và ý nghĩa thẩm mỹ của THPTM *mắt* trong kho tàng ca dao người Việt và thơ ca 1945-1975.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thái Hòa (2005), *Từ điển tu từ - phong cách thi pháp học*, tr.218. Nxb GD.
2. Iu.A.Philipiep (1971), *Những tín hiệu của thông tin thẩm mỹ*, Nxb Khoa học, M. (Bản dịch và đánh máy Thư viện ĐHSHPN).
3. Đỗ Hữu Châu (1990), *Những luận điểm về cách tiếp cận ngôn ngữ học các sự kiện văn học*, Ngôn ngữ số 2.
4. Phạm Thị Kim Anh, (2005), *Tín hiệu thẩm mỹ thuộc trường nghĩa cây trong thơ Việt Nam*, ĐHSHPN.
5. Diệp Quang Ban (2008), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb GD.
6. Lê Biên (1998), *Từ loại tiếng Việt hiện đại*, GD, H.
7. Đinh Văn Đức (1986), *Ngữ pháp tiếng Việt (Từ loại)*, ĐH và THCN, H.
8. Nguyễn Hữu Quỳnh (2001), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách khoa.
9. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb VHIT.
10. Vũ Nho, *Con mắt với tình yêu trong ca dao*, vunhobn.blogspot.com/2015/08/con-mat-voi-tinh-yeu.html
11. Hoàng Tiến Tựu (2001), *Bình giảng ca dao*, Nxb GD.

NGUỒN NGỮ LIỆU

12. Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật chủ biên, (1995), *Kho tàng ca dao người Việt*, Nxb Văn hóa thông tin Hà Nội. (Khảo sát 11.825 bài ca dao trích trong *Kho tàng ca dao người Việt*).
13. Lưu Khánh Thơ (chủ biên) (2010), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Văn học. (1/Tổ Hữu: *Huế tháng Tâm*, tr.764; *Lại về*, tr.812, *Việt Nam máu và hoa*, tr.976/ 2/Quang Dũng: *Đôi mắt người Sơn Tây*, tr.385; *Nhớ một bóng núi*, tr.355/ 3/Nguyễn Duy, *Tiếng hát đào đèn*, tr.483).

Survey on the aesthetic signals of semantic aspects of "EYES" in the inventory of folk songs and poetry of Vietnam 1945-1975

Abstract: This paper presents a brief summary of the concept of aesthetic signals (AS) and describe the types of AS. On that basis, the author presented the survey results of AS of semantic aspects of *eyes* in inventory of Vietnamese folk songs and Vietnamese poetry from 1945 to 1975 with 08 authors: To Huu, Quang Dung, Nguyen Duy, Pham Tien Duat and Vu Cao, Hoang Cam, Nong Quoc Chan and Xuan Quynh.

The AS of the *eyes* are classified into two groups: the constant AS and its variants. Among the variants, the author investigated two types: the lexical variant and the combined variant (CV).

For scientific researches of CV, the writer conducted a survey of the verses related to nouns, verbs, adjectives that can be directly combined with the *eyes* or appear alone to describe in detail the characteristics, substance, activity, state of the *eyes* and in each occurrence they will bring more new expressive meanings to enrich the aesthetic meaning of the AS of *eye*.

Key words: eyes; aesthetic signals; semantic; folk songs; Vietnamese poetry.